

Số: 141 /QĐ-THNK

Hoa Lư, ngày 19 tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc điều chỉnh, bổ sung ngân sách nhà nước năm 2025**  
**của trường Tiểu học Ninh Khang**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH NINH KHANG**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;*

*Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ quyết định số 2986/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND phường Hoa Lư về việc điều chỉnh, bổ sung Ngân sách Nhà nước năm 2025;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân bổ kinh phí điều chỉnh, bổ sung chế độ chính sách và các nhiệm vụ phát sinh của trường Tiểu học Ninh Khang, cụ thể như sau:

Tổng kinh phí được phân bổ, điều chỉnh, bổ sung chế độ chính sách và các nhiệm vụ phát sinh năm 2025:

**Số tiền: 743.512.000đồng**

**(Bảy trăm bốn mươi ba triệu năm trăm mười hai nghìn đồng)**

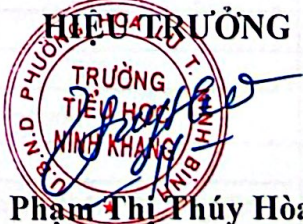
**(Có phụ biểu chi tiết đính kèm).**

**Điều 2.** Căn cứ số liệu điều chỉnh, bổ sung ngân sách Nhà nước năm 2025 được giao, Thủ trưởng đơn vị, kế toán tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3.** Bộ phận kế toán và các bộ phận có liên quan Trường Tiểu học Ninh Khang chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Kho bạc Nhà nước khu vực V;
- Phòng TC-KH;
- Như Điều 3;
- Lưu Hồ sơ kế toán, VT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG TIỂU HỌC NINH KHANG**  
  
**Phạm Thị Phú Hòa**

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(Kèm theo quyết định số: 141/QĐ-THNK, ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Trường TH Ninh Khang)

Đơn vị: triệu đồng

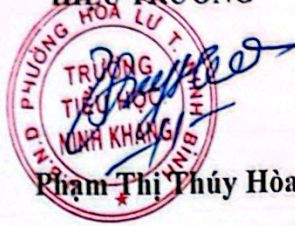
STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo
			đơn vị SD TH Ninh Khang
A	B	1	2
<b>1</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>		
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>		
1.1	Lệ phí		
1.2	Phí		
	Học phí		
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>		
<b>2.1</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục</b>		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
	- 40% tiền lương		
	- Chi hoạt động thường xuyên		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
<b>2.2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>		
<b>3.1</b>	<b>Lệ phí</b>		
<b>3.2</b>	<b>Phí</b>		
	Số nộp NSNN		
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)</b>	<b>743,512</b>	<b>743,512</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>		
<b>1.1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>337</b>	<b>337</b>
	Kinh phí, điều chỉnh thực hiện chế độ chính sách và các nhiệm vụ phát sinh (Nguồn 13)	337	337
<b>1.2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>406,512</b>	<b>406,512</b>
1.2.1	Kinh phí thực hiện chính sách giáo dục học kỳ I năm học 2025-2026 (Nguồn 15)	42,912	42,911
1.2.2	Hỗ trợ chi phí học tập (Nguồn 15)	0,600	0,600
1.2.3	Kinh phí khen thưởng theo nghị định 73/2024/NĐ-CP (Nguồn 18)	363	363
<b>2</b>	<b>Nghiên cứu khoa học (cấp huyện không có nội dung này)</b>		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề ( Loại 070-khoản 072-nguồn )</b>	<b>743,512</b>	<b>743,512</b>
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	337	337
3.1.1	Kinh phí, điều chỉnh thực hiện chế độ chính sách và các nhiệm vụ phát sinh (Nguồn 13)	337	337
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	406,512	406,512
3.2.1	Kinh phí thực hiện chính sách giáo dục học kỳ I năm học 2025-2026 (Nguồn 15)	42,912	42,911
3.2.2	Hỗ trợ chi phí học tập (Nguồn 15)	0,600	0,600
3.2.3	Kinh phí khen thưởng theo nghị định 73/2024/NĐ-CP (Nguồn 18)	363	363

Mã số đơn vị sử dụng NSNN	109431
Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	1311

UBND  
TRƯỜNG

Hoa Lu, ngày 19 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Thúy Hòa